

# BỒI DƯỠNG TINH THẦN KHOAN DUNG HỒ CHÍ MINH ĐỂ XÂY DỰNG ĐỒNG THUẬN XÃ HỘI

NGUYỄN THỊ LAN\*

"Xây dựng sự đồng thuận xã hội" là một chủ trương lớn của Đảng được nhiều học giả quan tâm. Chủ trương này được đề ra trong Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 7 (khoá IX) và tiếp tục được bổ sung, phát triển trong Nghị quyết Đại hội Đảng khóa X, XI và được cụ thể hóa trong các Nghị quyết Hội nghị Trung ương khác.

*Có thể hiểu: Đồng thuận xã hội là sự đồng tình, nhất trí của đa số thành viên trong xã hội về một vấn đề nào đó, trên cơ sở những điểm tương đồng, trong khi vẫn thừa nhận những điểm khác biệt với điều kiện, những điểm khác biệt đó không làm tổn hại đến mục tiêu chung.*

Nói đến đồng thuận là nói đến sự đồng tình, nhất trí của đa số người dân trong xã hội. Sự đồng tình, nhất trí này dựa trên một cơ sở nhất định, đó là những điểm tương đồng. Trước hết, đó là lợi ích quốc gia, dân tộc. Dù ở bất cứ quốc gia nào, một công dân phải ý thức được lợi ích quốc gia. Có thể về nhiều vấn đề, các cá nhân, các nhóm xã hội, các lực lượng xã hội còn có ý kiến khác biệt, nhưng đa số trong xã hội vẫn đồng tình, chấp nhận nhau vì lợi ích đó. Ở nước ta, trong giai đoạn hiện nay, điểm tương đồng đó là xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, độc lập, thống nhất, dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh.

Sự đồng tình, nhất trí giữa các thành viên, các nhóm xã hội phải dựa trên cơ sở những điểm tương đồng, nhưng vẫn chấp nhận những sự khác biệt, nếu không ảnh hưởng đến mục tiêu chung. Mỗi dân tộc, mỗi quốc gia có lợi ích riêng, bản sắc văn hoá riêng, v.v.. Sự khác biệt đó trong quá trình phát triển của thế giới là cái tất yếu. Nếu không có sự đa dạng trong các lối sống của con người thì con người chẳng những không chia sẻ được hạnh phúc với nhau, mà còn không vươn lên được hết tầm vóc trí tuệ, đạo đức, thẩm mỹ, mà mỗi con người có khả năng đạt tới. Mỗi cá nhân có quyền tự do của mình, và sử dụng sao cho không ảnh hưởng đến quyền tự do của người khác, ảnh hưởng đến những chuẩn mực chung của cộng đồng. Do đó, để đạt được sự đồng thuận, phải tôn trọng và chấp nhận những sự khác biệt, nếu như sự khác biệt đó không tổn hại đến những giá trị chung. Đặc biệt, trong những xã hội không thuần nhất về tôn giáo, ngôn ngữ..., thì nguyên tắc đó càng phải được đề cao.

Để chấp nhận những sự khác biệt về tư tưởng, văn hoá, về quá khứ cần có lòng khoan dung. Khoan dung không chỉ giới hạn ở lòng tốt và sự tha thứ. Lòng tốt và sự cam chịu chỉ có thể làm nên sự khoan dung nhất thời chứ không thể tạo nên sự khoan hoà, bình đẳng, lâu dài. Điều cốt lõi và tinh tế nhất của sự khoan dung là hoà giải và chấp nhận được những khác biệt, độc đáo, đặc sắc mà không hoà tan hay triệt tiêu

---

\* TS. Nhà giáo ưu tú. Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Nghệ An.

chúng, ngược lại, tôn trọng, nuôi dưỡng chúng. Khoan dung đòi hỏi con người phải có sự điều chỉnh, điều hoà các dị biệt. Đó là một quá trình tự điều chỉnh, đấu tranh, cọ xát, dung hoà với tất cả tính nhân nại, kể cả sự tha thứ, nhượng bộ.

Khoan dung là một trong những truyền thống văn hoá quý báu của dân tộc Việt Nam. Với tinh thần "đánh kẻ chạy đi, không đánh người chạy lại", "Bầu ơi thương lấy bí cùng. Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn", dân tộc Việt Nam rất coi trọng truyền thống khoan dung trong cư xử cũng như trong đường lối chính trị.

Đối với thần dân của mình, các triều đại phong kiến là những kẻ thống trị. Hầu hết các vương triều đều hiểu rằng phải lấy dân làm gốc, phải dựa vào dân, thương yêu dân, bao dung với nhân dân, rộng lượng tha thứ cho họ khi có lỗi lầm. Có thể coi triều Lý là một dẫn chứng tiêu biểu về vấn đề này. Trong xã hội thời Lý, tinh thần khoan dung rất được coi trọng. Lý Thánh Tông (1023 - 1072) - vua thứ ba của triều Lý đi thăm những kẻ có tội bị giam trong ngục vào mùa đông giá lạnh đã rất lấy làm thương xót. Nhà vua hạ lệnh cho người coi ngục phát chăn chiếu và cho ăn ngày hai bữa cơm. Nhìn công chúa Đông Thiên, nhà vua chạnh lòng nghĩ đến những người do nhận thức hạn chế, nên vi phạm hình pháp và rất thương họ. Ông ra lệnh từ nay về sau không cứ tội nặng, nhẹ đều nhất loạt khoan giảm. Có lẽ vì thế mà trong suốt 216 năm dưới triều Lý dường như không có cuộc khởi nghĩa nông dân nào.

Đến đời Trần, đường lối chính trị dựa trên tư tưởng khoan dung vẫn tiếp tục được coi trọng, phát triển. Giữa vua quan và

nhân dân sự cách biệt chưa đến nỗi gay gắt. Trong các lễ hội, vua quan và nhân dân cùng nắm tay nhau múa hát. Trần Nhân Tông thường nhắc nhở con cháu mình chớ quên rằng, tổ tiên họ xưa kia cũng chỉ là những người dân đen. Nếu người dưới có lỗi, các vua Trần thường nhận là do lỗi của mình trước, xét xử đầy khoan hậu, ít nghiêm khắc. Xe vua gặp các gia nô nhà vương hầu thường dừng lại hỏi han, không cho vệ sĩ nạt nô họ. Nhà vua nói rằng, khi có binh biến thì chỉ có những con người đó đi theo mà thôi. Chính vì coi trọng đường lối khoan dung, dưỡng sức dân, coi trọng sự đồng tình ủng hộ của nhân dân mà nhà Trần ba lần đại thắng quân Nguyên. Thắng lợi đó là do cả nước cùng đồng lòng góp sức đánh giặc, đoàn kết toàn dân, vua tôi hoà mục, quan dân đồng lòng. Vị tướng tài tiêu biểu trong cuộc kháng chiến đó là Trần Quốc Tuấn. Ông chủ động bỏ qua mối bất hoà giữa gia đình và hoàng gia, khuyên vua khoan thư sức dân là kế sâu rĩ bền gốc. Ông rất coi trọng sự hoà hợp giữa tướng sỹ, giữa các quan lại trong hoàng tộc, trong triều đình và nhân dân. Thời Trần đúng là vua tôi hoà mục, quan dân đồng lòng.

Trong mười năm gian khổ chống quân Minh dưới sự lãnh đạo của Lê Lợi và Nguyễn Trãi, đường lối khoan dung, nhân nghĩa đã góp phần quan trọng làm nên chiến thắng. Trong *Lam Sơn thực lục*, ông từng viết về sự khoan dung của Lê Lợi: Phạm người bất bình về việc nhỏ mà bỗng sinh chí khác thì trầm thường khoan thứ, dung cho tội lỗi, tuy từng lật mặt oán thù, trầm vẫn tin dùng. Vua tôi cần lấy nghĩa lớn mà xử với nhau, thân nhau như ruột thịt, thế cho nên được lòng người, mà ai ai cũng vui theo.

Tác phẩm bất hủ *Bình Ngô đại cáo* của Nguyễn Trãi cũng thể hiện rất rõ tinh thần khoan dung, nhân nghĩa của dân tộc ta: "*Đem đại nghĩa để thắng hung tàn, lấy chí nhân mà thay cường bạo*". Lòng khoan dung của dân tộc ta được thể hiện cả với kẻ thù. Khi chúng thất bại phải đầu hàng, triều đình đã tha mạng sống cho 10 vạn sỹ binh, lại cấp ngựa, chiến thuyền, lương thảo cho về nước. Đây là một hành động hiếm có trong lịch sử mà ngàn đời sau còn ca ngợi. Tư tưởng khoan dung đó còn thể hiện rất rõ trong *Quân trung từ mệnh tập*. Qua những thư từ gửi cho các tổng binh, đô đốc và tướng lĩnh nhà Minh, Nguyễn Trãi thay mặt cho nghĩa quân luôn kêu gọi chúng mau chóng quy hàng để quân lính hai bên đỡ chết chóc, nhân dân hai nước đỡ đau khổ.

Cuộc kháng chiến của nhân dân ta chống giặc Minh kết thúc vẻ vang bằng lễ hội thề ngày 10 tháng Chạp năm 1427. Toàn bộ tướng lĩnh của địch đều có mặt để thề trước non sông Việt Nam là thực lòng chấm dứt chiến tranh, rút quân về nước. Tinh thần khoan dung độ lượng, vị tha của quân dân ta có sức mạnh phi thường. Nó không những dẹp yên binh loạn mà còn quy phục được lòng người, đánh tan âm mưu cướp nước của chúng. Chính vì thế mà nước Nam thời gian sau đó được yên bình, nhân dân ấm no, hạnh phúc.

Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, dù kẻ thù đã gieo bao đau thương tang tóc cho nhân dân, nhưng khi chúng bại trận, Chính phủ và nhân dân ta đối xử rất khoan hồng. Trong công cuộc xây dựng đất nước hôm nay, chúng ta vẫn tiếp tục phát huy truyền thống đó. Là một quốc gia đa dân tộc, đa tôn giáo

nhưng Việt Nam có truyền thống đoàn kết dân tộc, hoà đồng tôn giáo. Tam giáo đồng nguyên là biểu hiện cho tinh thần khoan dung ấy. Trong quá trình đấu tranh bảo vệ đất nước, các dân tộc cùng sát cánh bên nhau để giữ gìn non sông. Lịch sử nước ta chưa hề có chiến tranh giữa các tộc người như đã từng xảy ra ở một số nước trên thế giới.

Thực tế, lịch sử đã chứng minh, từ khi các vua Hùng dựng nước cho đến nay, dù trong bất cứ hoàn cảnh nào, các tộc người trong dân tộc Việt Nam vẫn luôn đoàn kết để bảo vệ đất nước. Trong hai cuộc kháng chiến chống bọn thực dân cướp nước, nhiều vùng đồng bào dân tộc thiểu số đã trở thành căn cứ địa cách mạng. Đồng bào các dân tộc trong gian khổ, khó khăn vẫn một lòng đi theo Đảng, bảo vệ Đảng. Mọi cuộc kháng chiến chống quân xâm lược của dân tộc ta đều lấy địa bàn dân tộc làm chỗ dựa. Trong công cuộc xây dựng đất nước hôm nay, đồng bào các dân tộc lại sát cánh bên nhau, cùng thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh. Kẻ thù đã có nhiều âm mưu thâm độc để chia rẽ các dân tộc, gây nên những xung đột, mâu thuẫn nhưng đồng bào các dân tộc đã nhận thức được bộ mặt thật của chúng, nâng cao cảnh giác, đập tan mọi âm mưu và hành động gây chia rẽ.

Hiện nay, nước ta có nhiều tôn giáo đang cùng tồn tại. Trong lịch sử dân tộc, cũng có thời kì nhà nước phong kiến coi một tôn giáo là "quốc giáo", nhưng nhìn chung không coi các loại hình tín ngưỡng, tôn giáo khác là "tà giáo", "dị giáo" và cũng không hiểu quốc giáo như quan niệm của phương Tây. Các triều đình phong kiến

có thể coi trọng một tôn giáo nào đó, xem đó là chỗ dựa tinh thần cho xã hội, nhưng nhìn chung không cấm các tín ngưỡng, tôn giáo khác không được hoạt động. Ở nước ta, suốt chiều dài lịch sử dân tộc, không có một tôn giáo nào chiếm vị trí độc tôn. Trải qua các thời kì lịch sử, các tôn giáo vẫn được tồn tại bên nhau. Thời Lý, dù Phật giáo là quốc đạo vẫn cho xây Văn Miếu thờ Khổng Tử và tổ chức thi Tam giáo. Nếu thời Lý - Trần, Tam giáo song hành, thì đến nhà Mạc, Nho - Phật - Lão hoà quyện vào nhau thành một thứ tôn giáo dung hợp thật sự để trở thành "Tam giáo đồng quy".

Đến thời Lê - Nguyễn, Khổng giáo thay vị trí của Phật giáo để trở thành quốc đạo, nhưng chính quyền cho xây chùa Thiên Mụ và cũng không ít những bậc phu nhân quyền quý lập bàn thờ Phật để tụng kinh, gõ mõ ngay trong tư gia. Tín ngưỡng và tôn giáo bản địa hay bên ngoài du nhập vào ít nhiều đều trở nên bình dị theo phương châm "tốt đời đẹp đạo" như ở Thiên chúa giáo. Nho giáo với "tam cương, ngũ thường" đã có vai trò liên kết xã hội, xây dựng một xã hội có kỷ cương, trọng nhân nghĩa và có trung tín... Tam giáo đồng nguyên là truyền thống bền vững hàng nghìn năm trong lịch sử văn hóa dân tộc. Đó là sự cộng sinh trong khi vẫn khác nhau.

Có thể nói, truyền thống khoan dung của dân tộc Việt Nam được kết tinh ở tư tưởng khoan dung của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Người là tiêu biểu cho tư tưởng khoan dung không chỉ cho Việt Nam, mà còn cho cả nhân loại, không chỉ ở quá khứ mà cả hiện tại, không chỉ trong lĩnh vực tinh thần mà cả trong thực tiễn sinh động. Trên nền tảng bản sắc văn hóa dân tộc, tư tưởng

khoan dung của người là sự đúc kết những kinh nghiệm tu dưỡng của bản thân, kinh nghiệm ứng xử trong cuộc sống, trong hoạt động cách mạng.

Nếu biểu hiện đầu tiên của khoan dung là *tha thứ* thì trong cư xử, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thể hiện rất rõ điều này. Đối với Người, tha thứ không chỉ là một quyết sách mang tính chính trị mà điều sâu xa của nó là xuất phát từ đạo đức, lương tâm của Người. Người xót xa khi người khác có lỗi lầm, nên khi họ đã nhận ra thì Người sẵn sàng giang rộng vòng tay theo đạo lý của dân tộc: "Người trong một nước phải thương nhau cùng". Trong thư gửi đồng bào và chiến sĩ miền Nam Trung Bộ nhân ngày kỷ niệm Nam Bộ kháng chiến (năm 1947), Người viết: "Nhân dịp này, tôi thiết tha kêu gọi những đồng bào vì một cơ gì mà lầm đường lạc lối hãy trở về với Tổ quốc. Dù sao các người cũng là ruột thịt... Tôi mong rằng các người hãy mau mau tỉnh ngộ. Và tôi cam đoan rằng Tổ quốc, đồng bào và chính phủ bao giờ cũng khoan hồng. Một khi các người đã trở về với Tổ quốc thì các người sẽ được hoan nghênh rộng rãi như những người con đi lạc lối mới về"<sup>1</sup>.

Với lòng bao dung, Người có cái nhìn rộng lượng đối với kẻ lỗi lầm, mở cho họ một con đường để trở về với dân tộc. Năm 1952, khi đa số cán bộ và nhân dân ta coi người "đinh tề" là Việt gian phản quốc thì với cái nhìn độ lượng, Người cho rằng, họ chỉ là những người kém tin vào dân tộc, vào bản thân mình, vào thắng lợi của cuộc kháng chiến. Người luôn tìm thấy mặt tích cực trong mỗi con người để hướng những người lầm đường lạc lối quay trở về với nhân dân, tìm ra những điểm tương đồng

để tha thứ cho họ. “Trong mấy triệu người cũng có người thể này hay thể khác, nhưng thể này hay thể khác đều là dòng dõi của tổ tiên ta. Vậy nên ta phải khoan hồng đại độ... Đối với những đồng bào lạc lối lầm đường thì phải lấy tình thân ái mà cảm hóa họ<sup>2</sup>.”

Chủ tịch Hồ Chí Minh còn rộng lượng tha thứ cho cả những kẻ ở phe đối lập, khi họ đã ăn năn hối cải hoặc cùng đường thất thế. Người đã mời Bảo Đại, ông vua cuối cùng của triều Nguyễn làm cố vấn. Người đã cử người gặp Trần Trọng Kim, nguyên Thủ tướng Chính phủ bù nhìn do Nhật lập nên ngày 17/4/1945 khi nghe tin ông ra Hà Nội, nhưng đã không gặp được. Trong bài viết *Khoan hồng mà không nhu nhược*, với bút danh Chiến Thắng, đăng trên báo *Cứu quốc* ngày 5/10/1945, Người đã tỏ rõ sự phân biệt bạn thù một cách khoan hồng: “Chính phủ đã tỏ ra một thái độ rất khoan hồng, chính đại, chỉ coi bọn thực dân Pháp là kẻ thù chính cần tiêu diệt, còn đối với dân chúng Pháp chịu thừa nhận quyền độc lập Việt Nam thì nó vẫn thân thiện và sẵn sàng bảo vệ cho sinh mạng và tài sản.

Đối với quan lại cũ, trừ những bọn đại gian, đại ác, Chính phủ cộng hòa ta cũng có một độ lượng không để tâm moi ra những tội cũ đem làm án mới làm gì<sup>3</sup>.”

Tư tưởng khoan dung Hồ chí Minh còn được thể hiện ở sự *thừa nhận* những giá trị của người khác, của lực lượng xã hội khác, dù cho xã hội vẫn nhìn nhận nó với cái nhìn thiếu thiện cảm. Khi ông Nguyễn Văn Thinh, nguyên Thủ tướng bù nhìn của Cộng hòa Nam Kỳ tự trị tự vẫn, Người đã nói với báo chí rằng, về chính trị, ông Nguyễn Văn Thinh đã đi lầm đường, nên bị cô lập, nhưng ông chết đi, dù sao nước Việt Nam cũng mất một bác sỹ mà nước

Việt Nam đang rất cần những người như ông để kiến thiết<sup>4</sup>. Trong bài nói chuyện tại Hội nghị Đại biểu Mặt trận Liên - Việt toàn quốc ngày 10/1/1955, Người đã nói: “Bất kỳ ai mà thật thà tán thành hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ, thì dù những người đó trước đây chống chúng ta, bây giờ chúng ta cũng thật thà đoàn kết với họ<sup>5</sup>.”

Khoan dung ở Chủ tịch Hồ Chí Minh còn thể hiện ở sự *tôn trọng* chính kiến, tư tưởng, niềm tin của người khác. Phải là con người thực sự có lòng khoan dung mới thực hiện được điều đó. Bởi vì trong cuộc sống, mỗi người khi đưa ra một ý kiến nào đó, thì thường cho là mình đúng, muốn bảo vệ quan điểm của mình. Ai có ý kiến khác mình thì cho là chống đối và tất nhiên không thể chấp nhận. Khi nhiều người có ý kiến khác nhau về học thuyết Nho giáo của Khổng Tử, thì Người đã nói rằng học thuyết của Khổng Tử có nhiều điều không đúng, nhưng điều hay trong đó thì ta nên học. Người đã tiếp thu những yếu tố tích cực của Nho giáo, khai thác triệt để những mặt tích cực ấy để phục vụ cho việc xây dựng xã hội mới.

Không những tôn trọng mà hơn thế nữa, khoan dung ở Chủ tịch Hồ Chí Minh còn thể hiện ở sự tiếp nhận. Người nghiên cứu nhiều nền văn hóa trên thế giới và đã chọn lọc những tinh hoa của nó phù hợp với văn hóa và sự phát triển của con người Việt Nam và tiếp nhận nó, dù nền văn hóa đang được coi là ở phe đối lập. Người đã tiếp nhận những tư tưởng dân chủ, tự do, bình đẳng, bác ái của bản *Tuyên ngôn độc lập* của nước Mỹ và bản *Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền* của nước Pháp. Người đã tiếp thu phong cách văn hóa lịch sử, tư tưởng tôn trọng phụ nữ, trẻ em của các

nước phương Tây. Dù bản thân người không theo tôn giáo nào, nhưng người rất coi trọng, đề cao những tư tưởng tiến bộ của Công giáo, Phật giáo... Người đã tiếp thu những yếu tố tích cực của nó, khai thác triệt để những mặt tích cực ấy để phục vụ cho việc xây dựng xã hội mới.

Như vậy, khoan dung Hồ Chí Minh là sự tiếp nối, phát huy truyền thống khoan dung của dân tộc. Người thực hiện khoan dung để tạo nên sự đồng thuận trong xã hội, từ đó xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc. Bằng tấm lòng khoan dung, Người đã cảm hóa những người lầm đường lạc lối quay trở về với dân tộc. Bằng tấm lòng khoan dung, Người đã tìm ra những mặt tích cực, những điểm tương đồng trong mỗi con người, mỗi tư tưởng, mỗi nền văn hóa để tiếp nhận nó, góp phần xây dựng Tổ quốc Việt Nam ngày càng giàu mạnh. Khoan dung Hồ Chí Minh có thể coi là biểu hiện cao nhất của truyền thống khoan dung của dân tộc.

Khoan dung Hồ Chí Minh không những đối với nhân dân, mà còn đối với cả kẻ thù xâm lược, với các tôn giáo. Người luôn coi trọng đức tin của các tín đồ tôn giáo, hướng các tôn giáo tới mục tiêu giải phóng dân tộc. Mặc dù có nhiều người có ý kiến khác nhau về các tôn giáo, nhưng với Chủ tịch Hồ Chí Minh, tôn giáo nào cũng có những mặt tích cực của nó, đều hướng tới cái thiện. Người từng nói rằng, dù hai tôn giáo có lý tưởng khác nhau, nhưng tôn giáo nào cũng ở từ bi nhân đạo mà ra thì không có lý gì lúc này cũng là con dân Việt Nam lại không có sự đoàn kết giữa hai tôn giáo được<sup>6</sup>. Người luôn tìm ra điểm tương đồng trong lý tưởng của các tôn giáo và lý tưởng xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa của nhân

dân ta. Người chỉ ra các tôn giáo tuy khác nhau, nhưng đều có một điểm chung là phụng sự Tổ quốc và nhân dân. Tuy tín đồ của mỗi tôn giáo có niềm tin khác nhau, nhưng cũng không thể trái với nguyện vọng của tất cả nhân dân.

Truyền thống khoan dung của dân tộc và tinh thần khoan dung của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã được Đảng ta kế thừa, phát triển trong quá trình đổi mới. Chủ trương của Đảng về thực hiện khoan dung để xây dựng sự đồng thuận xã hội ngày càng được thể hiện rõ. Trong Nghị quyết số 07/NQ-TW ngày 11/11/1993 của Bộ Chính trị về đại đoàn kết dân tộc và tăng cường Mặt trận dân tộc thống nhất, lần đầu tiên Đảng đã đưa ra quan điểm đại đoàn kết chủ yếu phải lấy mục tiêu "giữ vững độc lập, thống nhất, chủ quyền quốc gia và toàn vẹn lãnh thổ, phấn đấu sớm thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu, tiến lên dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh" làm điểm tương đồng; đồng thời, chấp nhận những điểm khác nhau không trái với lợi ích chung của cả dân tộc, cùng nhau xóa bỏ định kiến, mặc cảm, hận thù, hướng về tương lai<sup>7</sup>.

Đến Đại hội Đảng toàn quốc khóa VIII (1996), Đảng ta tiếp tục kế thừa quan điểm đó. Trong Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc khóa IX của Đảng, quan điểm đó được kế thừa và bổ sung vào mục tiêu xây dựng đất nước cụm từ "dân chủ" và nói rõ "xóa bỏ mặc cảm, định kiến, phân biệt đối xử về quá khứ, giai cấp, thành phần, xây dựng tinh thần cởi mở, tin cậy lẫn nhau, hướng tới tương lai.". Sự bổ sung này là cần thiết, vì dân chủ là một mục tiêu phấn đấu của chủ nghĩa xã hội và khoan dung chính là một trong những biểu hiện của dân chủ. Đến Đại hội X (2006), Đảng ta tiếp tục

kế thừa, phát triển quan điểm về coi trọng khoan dung để xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc. Đặc biệt, việc đề cao khoan dung đã được thể hiện trong Nghị quyết Đại hội X: *Đề cao truyền thống nhân nghĩa, khoan dung, xây dựng tinh thần cởi mở, tin cậy lẫn nhau vì sự ổn định chính trị và đồng thuận xã hội*<sup>8</sup>.

Đến Đại hội Đại biểu toàn quốc khóa XI của Đảng (2011), tinh thần khoan dung đó tiếp tục được kế thừa, phát triển: "Lấy mục tiêu xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, độc lập, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh làm điểm tương đồng, xóa bỏ mặc cảm, định kiến về quá khứ, thành phần, giai cấp, chấp nhận những điểm khác nhau không trái với lợi ích chung của dân tộc, đề cao tinh thần dân tộc, truyền thống nhân nghĩa, khoan dung để tập hợp, đoàn kết mọi người vào mặt trận chung, tăng cường đồng thuận xã hội"<sup>9</sup>.

Để xây dựng sự đồng thuận xã hội, phải bồi dưỡng lòng khoan dung. Biết tha thứ, thừa nhận, tiếp nhận tư tưởng, quan điểm, lối sống của người khác, nền văn hóa của dân tộc khác thì mới có thể chấp nhận những sự khác biệt để cùng tồn tại. Trong thời đại mới, thế giới ngày càng "phẳng", nên càng cần một sự khoan dung để tồn tại và phát triển. Tuy rằng Chiến tranh lạnh đã kết thúc, nhưng những cuộc xung đột về dân tộc, tôn giáo, về biên giới đang diễn ra trên thế giới, mà nguyên nhân cơ bản của nó là do không chấp nhận sự khác biệt. Quá trình toàn cầu hóa làm cho các nền văn hóa có sự giao thoa lẫn nhau. Trong bối cảnh đó, khoan dung càng cần được đề cao và phải được coi như là một giải pháp

tích cực để hạn chế những xung đột trong xã hội.

Đối với thế hệ trẻ, bồi dưỡng tinh thần khoan dung Hồ Chí Minh càng là yêu cầu cấp thiết. Những vụ án mạng do lứa tuổi thanh, thiếu niên gây ra mà hàng ngày đang được các phương tiện thông tin đại chúng đưa tin có chiều hướng gia tăng, mà một trong những nguyên nhân gây ra điều đó là sự thiếu khoan dung. Có những lý do vô cùng đơn giản, nhưng vì thiếu sự khoan dung, nên đã gây ra những vụ án rất đau lòng. Một cái nhìn, một câu nói, một hành động không vừa lòng lại có thể trở thành nguyên nhân của một cuộc đụng độ đẫm máu. Một giọng nói khác nhau, một trang phục khác nhau cũng có thể tạo nên sự ngăn cách không đáng có... Nếu như thế hệ trẻ được giáo dục về truyền thống khoan dung của dân tộc mà đỉnh cao là tinh thần khoan dung Hồ Chí Minh thì chắc rằng những điều đó đã không xảy ra. Trong quá trình toàn cầu hóa, nếu có sự khoan dung thì sẽ không kỳ thị mà tiếp nhận những tinh hoa văn hóa của các dân tộc, tiếp nhận những chính sách kinh tế - xã hội tiến bộ, phù hợp để làm phong phú nền văn hóa của dân tộc mình, góp phần hoàn chỉnh đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước.

Bồi dưỡng tinh thần khoan dung cho thế hệ trẻ cần phải chú trọng giáo dục những truyền thống khoan dung của dân tộc. Thế hệ trẻ cần hiểu được các thế hệ trước đã cư xử khoan dung như thế nào và điều đó đã đưa lại những kết quả tốt đẹp ra sao. Phải làm cho thế hệ trẻ hiểu được những giá trị tích cực của các nền văn hóa, các tôn giáo, các phong tục tập quán khác để tránh sự kỳ thị, hiểu lầm không đáng có do kém hiểu biết mà gây ra. Mỗi người được sinh ra và

lớn lên trong hoàn cảnh khác nhau, có môi trường sống, môi trường giáo dục khác nhau nên có những tư tưởng khác nhau, là điều tất yếu. Vì vậy, cần học cách chấp nhận sự khác biệt của người khác, miễn sao không ảnh hưởng tới sự phát triển chung của xã hội. Không ai được áp đặt ý kiến của mình cho người khác. Mỗi người có thể theo đuổi những giá trị mà mình tôn thờ, nếu như không tổn hại đến mục tiêu chung. Cần khắc phục thái độ cố chấp trong cư xử vì điều đó sẽ là mầm mống cho sự bất khoan dung. Chú trọng nâng cao nhận thức, mở rộng hiểu biết cho thế hệ trẻ để họ có đủ khả năng và bản lĩnh phân biệt cái đúng, cái sai, có thái độ đúng đắn trước những âm mưu và hành động chia rẽ của kẻ thù.

---

### **Chú thích**

- 1, 2. Hồ Chí Minh, 2004. *Toàn tập*, tập 5, Nxb.Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.215, 246.
3. Hồ Chí Minh, 2004. *Toàn tập*, tập 4, Nxb.Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.45.
4. Tài liệu thông tin của Việt Nam thông tấn xã Băng Cốc, xuất bản tháng 5/1948, tr.21.

5. Hồ Chí Minh, 2004. *Toàn tập*, tập 7, Nxb.Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.438.
6. Báo *Cứu quốc* số 61, ngày 17/10/1945.
7. Đảng Cộng sản Việt Nam, 2005. *Văn kiện Đảng thời kỳ đổi mới*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.36.
8. Đảng Cộng sản Việt Nam, 2006. *Văn kiện Nghị quyết đại hội X*, Hà Nội, tr.116.
9. Đảng Cộng sản Việt Nam, 2011. *Văn kiện Nghị quyết đại hội XI*, Hà Nội, tr.240.

---

### **Tài liệu tham khảo**

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, 1996, 2001, 2006, 2011. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc khóa VIII- Khóa XI*, Nxb.Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
2. HoàngTrang, Phạm Ngọc Anh (chủ biên), 2004. *Tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh với việc giáo dục đội ngũ cán bộ, đảng viên hiện nay*, Nxb.Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
3. Hồ Trọng Hoài, 2005. *Khoan dung - một giá trị đạo đức trong nhân cách văn hóa Hồ Chí Minh*, Tạp chí *Cộng sản*, số 17.
4. Huỳnh Khải Vinh, Nguyễn Thanh Tuấn, 2004. *Bàn về khoan dung trong văn hóa*, Nxb.Chính trị Quốc gia, Hà Nội.